

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TP. BUÔN MA THUỘT  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 99/2024/DS-ST

Ngày: 03- 07 – 2024

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Văn Vĩ;

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Hưng  
2. Bà Trần Thị L

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Quỳnh- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột:** Bà Vũ Thị Phương Thảo- Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 07 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 543/2023/TLST-DS ngày 16 tháng 10 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2024/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 69/QĐH-DS ngày 16/5/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 95/QĐH-DS ngày 14/6/2024 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Văn L(Có mặt)

Địa chỉ: Phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

**2. Bị đơn:**

-Bà Vũ Thị Kim L(Vắng mặt)

Địa chỉ: xã H, thành phố B tỉnh Đắk Lắk

-Bà Trần Thị Q(Vắng mặt)

Địa chỉ: xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

**3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ L quan:** Ông Lê Thế B(Vắng mặt)

Địa chỉ: Xã E, xã H thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

1]. Trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn Nguyễn Văn L trình bày:

Tôi và bà Vũ Thị Kim L và bà Trần Thị Q có mối quan hệ quen biết nên vào ngày 18/01/2022 tôi có cho bà Vũ Thị Kim L và bà Trần Thị Q vay số tiền 500.000.000 đồng để bà L mua lô đất tại xã Ea Hwue, huyện Buôn Đôn, tỉnh

Daklak. Để làm tin thì tôi và bà Vũ Thị Kim L đã ra Văn phòng công chứng Đỗ Xuân Bình ký hợp đồng vay tiền số 01303 quyển số 01/2022 ngày 18/01/2022. Thời hạn vay 06 tháng, lãi suất 0,1%/tháng, trong hợp đồng vay không có tài sản thế chấp nhưng bà L có đưa cho tôi cầm cố 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CU 410688 cấp ngày 23/8/2020 đứng tên bà Vũ Thị Kim L và ông Lê Thế B (Bản gốc).

Hình thức vay là tôi đã chuyển qua tài khoản ngân hàng qua tài khoản của bà Vũ Thị Kim L còn việc vay như thế nào giữa bà Vũ Thị Kim L và bà Trần Thị Q thì tôi không biết.

Đến hạn nhưng bà Vũ Thị Kim L và bà Trần Thị Q không trả cho tôi số tiền gốc và lãi nào theo hợp đồng. Như vậy bà L và bà Q đã vi phạm hợp đồng vay tiền ngày 18/01/2022. Nay tôi yêu cầu bà L và bà Q phải trả cho tôi số tiền gốc và lãi theo hợp đồng vay tiền và tính đến ngày xét xử sơ thẩm.

2. Bị đơn bà Trần Thị Q trình bày: Tôi thừa nhận vào ngày 18/01/2022 tôi và bà Vũ Thị Kim L có ký vay số tiền 500.000.000 đồng của ông Nguyễn Văn L. Nhưng thực chất việc vay tiền là của bà Vũ Thị Kim L vay để trả nợ cho người khác, tôi không có vay của ông L vì lúc đó lúc đó ông L nói phải có tôi ký thì ông L mới cho vay vì trước đó tôi cũng có vay của ông L số tiền 300.000.000 đồng và tôi đã trả nên có uy tín với ông L. Ngay tại lúc vay tiền ông L và bà Vũ Thị Kim L đã ra Văn phòng công chứng Đỗ Xuân Bình ký hợp đồng vay tiền số 01303 quyển số 01/2022 ngày 18/01/2022 với số tiền 500.000.000 đồng. Thời hạn vay 06 tháng, lãi suất 0,1%/tháng, và bà L có cầm cố 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CU 410688 cấp ngày 23/8/2020 đứng tên bà Vũ Thị Kim L và ông Lê Thế B cho ông L (Bản gốc). Như vậy việc vay tiền trên là giữa ông L và bà L chứ tôi không vay tiền nên tôi không đồng ý trả số tiền trên cùng bà L cho ông L. Tôi yêu cầu Cơ quan pháp luật kê biên quyền sử dụng đất số CU 410688 cấp ngày 23/8/2020 đứng tên bà Vũ Thị Kim L và ông Lê Thế B để trả cho ông Nguyễn Văn L.

3. Bị đơn bà Vũ Thị Kim L trình bày:

Vào ngày 18/01/2022 tôi và bà Trần Thị Q có ký vay số tiền 500.000.000 đồng của ông Nguyễn Văn L vì ông L với bà Q có mối quan hệ quen biết trước đó. Ông Nguyễn Văn L đã chuyển tiền qua tài khoản ngân hàng của tôi, mục đích vay là trả tiền mua đất của bà Nguyễn Thị Hải. Tôi có cầm cố 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CU 410688 cấp ngày 23/8/2020 đứng tên bà Vũ Thị Kim L và ông Lê Thế B cho ông Nguyễn Văn L. Lãi suất vay là 0,1%/tháng, thời hạn vay 06 tháng. Đến hạn tôi và bà Q không có tiền trả cho ông L là vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Nay ông Nguyễn Văn L khởi kiện tôi và bà Trần Thị Q ra Tòa án phải L đới trả nợ số tiền gốc và lãi thì tôi đồng ý và tôi yêu cầu ông L phải trả lại bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CU 410688 cấp ngày 23/8/2020 đứng tên bà Vũ Thị Kim L và ông Lê Thế B cho tôi.

Giữa tôi và bà Q có giấy sang nhượng đất không có giấy tờ tại xã Ea Ea Huaw, huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk bà Q vay tôi 400.000.000 đồng tôi sẽ khởi kiện bà Trần Thị Q thành một vụ án khác khi có yêu cầu. Nên đối với thỏa thuận vay tiền trên tôi đề nghị bà Q L đới trả nợ cùng với tôi cho ông L.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử cũng như việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 463, Điều 466; Điều 468, Điều 587 Bộ luật dân sự năm 2015;

Đề nghị tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn L.

-Buộc bà Vũ Thị Kim L và bà Trần Thị Q phải L đới trả số tiền 500.000.000 đồng tiền vay gốc và tiền lãi theo quy định từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm.

Đôi với 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CU 410688 cấp ngày 23/8/2020 đứng tên bà Vũ Thị Kim L và ông Lê Thế B mà bà Vũ Thị Kim L đã cầm cố cho ông Nguyễn Văn L thì ông L có trách nhiệm trả lại bà Vũ Thị Kim L ngay khi bà L, bà Q trả hết nợ.

-Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà Vũ Thị Kim L và bà Trần Thị Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Bị đơn bà Vũ Thị Kim L và bà Trần Thị Q đều thừa nhận có ký thỏa thuận vay tiền 500.000.000 đồng của ông Nguyễn Văn L ngày 18/01/2022. Thời hạn vay 06 tháng, lãi suất là 0,1%/tháng, và bà L có cầm cố 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CU 410688 cấp ngày 23/8/2020 đứng tên bà Vũ Thị Kim L và ông Lê Thế B cho ông Nguyễn Văn L.

Bà Trần Thị Q cho rằng bà Vũ Thị Kim L vay tiền của ông Nguyễn Văn L ngày 18/01/2022 để trả nợ cho người khác chứ bà Trần Thị Q không vay tiền của ông L vì lúc đó ông L nói phải có bà Q ký trong giấy vay tiền thì ông L mới cho bà L vay vì trước đó bà Q cũng có vay tiền của ông L số tiền 300.000.000 đồng và đã trả nên bà Q có uy tín với ông L.

Hội đồng xét xử xét thấy: Trong thỏa thuận vay tiền thì các bên đều ghi mục đích vay là mua đất tại xã Ea Ea Huaw, huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk. Trong quá trình giải quyết vụ án bà Q cũng không đưa được chứng cứ nào về việc cá nhân không vay tiền của ông L. Bà L cũng yêu cầu bà Q L đới trả nợ tiền vay cho ông L số tiền gốc và lãi theo giấy vay tiền ngày 18/01/2022.

Việc vay tiền giữa bà Vũ Thị Kim L và bà Trần Thị Q và ông Nguyễn Văn L là có thật. Do vậy cần buộc bà Vũ Thị Kim L và bà Trần Thị Q có trách nhiệm L

đổi trả cho ông Nguyễn Văn L số tiền vay gốc 500.000.000 đồng là có căn cứ phù hợp theo quy định tại Điều 463, Điều 587 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Đối với bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CU 410688 cấp ngày 23/8/2020 đứng tên bà Vũ Thị Kim L và ông Lê Thế B mà bà Vũ Thị Kim L đã cầm cố cho ông Nguyễn Văn L ngày 18/01/2022 thì ông L có trách nhiệm trả lại bà Vũ Thị Kim L ngay khi bà L trả hết nợ.

[3] Về lãi suất: Theo Hợp đồng vay tiền 18/01/2022 là lãi xuất là 0,1%/tháng. Nay ông L yêu cầu tính lãi xuất theo hợp đồng kể từ ngày 18/01/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm 03/7/2024 nên cần chấp nhận.

Tính từ ngày 18/01/2022 đến ngày 03/07/24 là: 02 năm 05 tháng 16 ngày.

500.000.000 đồng x 0,1%/tháng x 02 năm 05 tháng 16 ngày = 14.766.666 đồng.

Như vậy tổng cộng cả gốc và lãi bà L, bà Q phải trả cho ông L là: 500.000.000 đồng + 14.766.66 đồng = 514.766.666 đồng.

Chia theo phần: Bà Vũ Thị Kim L phải trả cho ông Nguyễn Văn L số tiền: 257.383333 đồng và bà Trần Thị Q phải trả cho ông Nguyễn Văn L số tiền: 257.383333 đồng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Vũ Thị Kim L và bà Trần Thị Q phải chịu án phí theo quy định của pháp luật cụ thể:

20.000.000 đồng + (114.766.666 đồng x 4%) = 24.590.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Chia theo phần: Bà Vũ Thị Kim L phải nộp: 12.295.000 đồng án phí DSST và bà Trần Thị Q phải nộp: 12.295.000 đồng án phí DSST.

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn L không phải chịu án phí nên hoàn trả cho ông Nguyễn Văn L số tiền 12.000.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột theo biên lai thu số 0004728 ngày 12/10/2023.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 161, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 277 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 357, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự và khoản 2 Điều 468, Điều 587 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn L

Buộc bà Vũ Thị Kim L và bà Trần Thị Q phải trả cho ông Nguyễn Văn L số tiền: 514.766.666 đồng; trong đó: nợ gốc là 500.000.000 đồng và nợ lãi 14.766.666 đồng; Chia theo phần:

-Bà Vũ Thị Kim L phải trả cho ông Nguyễn Văn L số tiền: 257.383.333 đồng.

-Bà Trần Thị Q phải trả cho ông Nguyễn Văn L số tiền: 257.383.333 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi suất của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Đối với 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CU 410688 cấp ngày 23/8/2020 đứng tên bà Vũ Thị Kim L và ông Lê Thế B mà bà Vũ Thị Kim L đã cầm cố cho ông Nguyễn Văn L thì ông L có trách nhiệm trả lại bà Vũ Thị Kim L ngay khi bà L trả hết nợ.

2.Về án phí: Bà Vũ Thị Kim L và bà Trần Thị Q phải nộp số tiền 24.590.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Chia theo phần: Bà Vũ Thị Kim L phải nộp: 12.295.000 đồng án phí DSST và bà Trần Thị Q phải nộp: 12.295.000 đồng án phí DSST.

Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn L số tiền 12.000.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột theo biên lai thu số 0004728 ngày 12/10/2023.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ L quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND Tp. BMT;
- Chi cục THADS Tp.BMT;
- P. Kiểm tra - TAND tỉnh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

**Phạm Văn Vĩ**